

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

NĂM 2026

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Nam Cần Thơ
2. Mã trường: DNC
3. Địa chỉ: 168 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ.
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.nctu.edu.vn
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02923 798 168 – Hotline/Zalo: 0939 257 838

II. Đối tượng, phương thức và chỉ tiêu tuyển sinh

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- a. Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định.
- b. Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Phương thức tuyển sinh của Trường bao gồm phương thức xét tuyển và kết hợp thi tuyển và xét tuyển cho một số nhóm ngành. Gồm có các phương thức tuyển sinh sau:

Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT - (Mã 100)

ĐXT: Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + Điểm ưu tiên.

(Tổ hợp xét tuyển công bố tại website của trường)

Phương thức 2: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) - (Mã 200)

ĐXT: Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm 3 + Điểm ưu tiên.

(Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12)

Phương thức 3: Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực V-SAT do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển - (Mã 417)

Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực V-SAT do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển

Phương thức 4: Kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT - (Mã 407)

Kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển

Phương thức 5: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài - (Mã 411)

Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài

Đối với thí sinh đủ điều kiện xét tuyển thẳng, Trường Đại học Nam Cần Thơ thực hiện xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

* Đối với thí sinh xét tuyển nhóm ngành Sức khỏe bằng điểm thi Tốt nghiệp THPT, Nhà trường sẽ căn cứ theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định.

3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Đối với các ngành (trừ nhóm ngành sức khỏe và nhóm ngành Luật): thí sinh xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026;

- Đối với nhóm ngành sức khỏe, nhóm ngành Pháp luật:

+ Thí sinh xét tuyển bằng điểm Thi tốt nghiệp THPT: Bộ GD&ĐT chủ trì phối hợp các Bộ ban hành ngưỡng đảm bảo đầu vào.

+ Thí sinh xét tuyển bằng phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp

+ **Đối với nhóm ngành Pháp luật:** Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

+ **Đối với nhóm ngành sức khỏe:**

a. Ngành Y Khoa, Răng Hàm Mặt, Dược học: Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10

b. Ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học: Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên

4. Các ngành đào tạo bằng tiếng Việt

Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo được quy định cụ thể dưới bảng sau đây:

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Tổ hợp xét tuyển
1	7720101 7720101-01	Y khoa - Y khoa (Bác sĩ đa khoa) - Y khoa Quốc tế	A00: Toán - Lý - Hóa A02: Toán - Lý - Sinh B00: Toán - Hóa - Sinh B03: Toán - Sinh - Văn D07: Toán - Hóa - Anh D08: Toán - Sinh - Anh
2	7720501	Răng - Hàm - Mặt (Bác sĩ Nha khoa)	
3	7720110	Y học dự phòng (Bác sĩ Y học dự phòng)	
4	7720201	Dược học	
5	7720301 7720301-01 7720301-02 7720301-03 7720301-04	Điều dưỡng - Điều dưỡng đa khoa - Điều dưỡng gây mê hồi sức - Điều dưỡng thẩm mỹ - Điều dưỡng hộ sinh - Điều dưỡng Răng Hàm Mặt	A00: Toán - Lý - Hóa B00: Toán - Hóa - Sinh B03: Toán - Sinh - Văn D01: Toán - Văn - Anh D07: Toán - Hóa - Anh D08: Toán - Sinh - Anh X09: Toán - Hóa - GDKTPL X10: Toán - Hóa - Tin
6	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	
7	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Tổ hợp xét tuyển
8	7720802	Quản lý bệnh viện	B00: Toán - Hóa - Sinh B03: Toán - Sinh - Văn C01: Văn - Toán - Lý C02: Văn - Toán - Hóa D01: Toán - Văn - Anh X06: Toán - Lý - Tin X09: Toán - Hóa - GDKTPL X10: Toán - Hóa - Tin
9	7520212	Kỹ thuật y sinh (Khoa học và công nghệ y khoa)	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh A02: Toán - Lý - Sinh B00: Toán - Hóa - Sinh D01: Toán - Văn - Anh X06: Toán - Lý - Tin X08: Toán - Lý – CN
10	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh A02: Toán - Lý - Sinh C01: Văn - Toán - Lý D01: Toán - Văn - Anh X06: Toán - Lý - Tin X08: Toán - Lý - CN X25: Toán - Anh - GDKTPL X26: Toán - Anh - Tin
11	7480103	Kỹ thuật phần mềm	
12	7480101 7480101-01	Khoa học máy tính - Khoa học máy tính - Thiết kế vi mạch bán dẫn	
13	7480102	Mạng máy tính & truyền thông dữ liệu	
14	7480107	Trí tuệ nhân tạo	
15	7210403	Thiết kế đồ họa	

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Tổ hợp xét tuyển
16	7480202	An toàn thông tin	
17	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh A02: Toán - Lý - Sinh C01: Văn - Toán - Lý D01: Toán - Văn - Anh X01: Toán - Văn - GDKTPL X06: Toán - Lý - Tin X26: Toán - Anh - Tin
18	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	
19	7510205 7510205-01	Công nghệ kỹ thuật ô tô - Công nghệ kỹ thuật ô tô - Công nghệ kỹ thuật ô tô điện	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh A02: Toán - Lý - Sinh D01: Toán - Văn - Anh D07: Toán - Hóa - Anh X02: Toán - Văn - Tin X05: Toán - Lý- GDKTPL X06: Toán - Lý - Tin X08: Toán - Lý - CN X26: Toán - Anh - Tin
20	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	
21	7510201	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	
22	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00: Toán - Lý - Hóa A02: Toán - Lý - Sinh B00: Toán - Hóa - Sinh D01: Toán - Văn - Anh D07: Toán - Hóa - Anh D08: Toán - Sinh - Anh X01: Toán - Văn - GDKTPL A01: Toán - Lý - Anh X06: Toán - Lý - Tin
23	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
24	7580101	Kiến trúc	A00: Toán - Lý - Hóa C01: Văn - Toán - Lý D01: Toán - Văn - Anh

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Tổ hợp xét tuyển
			X06: Toán - Lý - Tin X56: Toán - Tin - CN A01: Toán - Lý - Anh V00: Toán - Lý - Văn V01: Toán - Văn - Văn
25	7580201	Kỹ thuật xây dựng	
26	7580302 7580302-01	Quản lý xây dựng - Quản lý xây dựng - Đô thị thông minh	
27	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - Đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị	
28	7850101	Quản lý tài nguyên & môi trường	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh B00: Toán - Hóa - Sinh C03: Văn - Toán - Sử C04: Văn - Toán - Địa D01: Toán - Văn - Anh X05: Toán - Lý- GDKTPL X06: Toán - Lý - Tin X02: Toán - Văn -Tin X26: Toán - Anh - Tin
29	7850103	Quản lý Đất đai	
30	7380101	Luật	
31	7380107	Luật Kinh tế	C00: Văn - Sử - Địa C03: Văn - Toán - Sử C04: Văn - Toán - Địa

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Tổ hợp xét tuyển
32	7380108	Luật Quốc tế	D01: Toán - Văn - Anh D14: Văn - Sử - Anh D15: Văn - Địa - Anh X17: Toán - Sử - GDKTPL X26: Toán - Anh - Tin Y07: Văn - GDKTPL - Tin
33	7320108	Quan hệ công chúng (PR)	
34	7320104	Truyền thông đa phương tiện	
35	7340101	Quản trị kinh doanh	
36	7340201	Tài chính - ngân hàng	
37	7340301	Kế toán	
38	7340115	Marketing	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh C03: Văn - Toán - Sử C04: Văn - Toán - Địa D01: Toán - Văn - Anh D10: Toán - Địa - Anh X17: Toán - Sử - GDKTPL X26: Toán - Anh - Tin D14: Văn - Sử - Anh
39	7340120	Kinh doanh quốc tế	
40	7310109	Kinh tế số	
41	7340122	Thương mại điện tử	
42	7340116	Bất động sản	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh B00: Toán - Hóa - Sinh C03: Văn - Toán - Sử C04: Văn - Toán - Địa C05: Văn - Hóa - Lý D01: Toán - Văn - Anh X25: Toán - Anh - GDKTPL X26: Toán - Anh - Tin

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo	Tổ hợp xét tuyển
43	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh C03: Văn - Toán - Sử D01: Toán - Văn - Anh D14: Văn - Sử - Anh X17: Toán - Sử - GDKTPL X26: Toán - Anh - Tin X56: Toán - Tin - CN
44	7510601	Quản lý công nghiệp	
45	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01: Toán - Lý - Anh D01: Toán - Văn - Anh D14: Văn - Sử - Anh D15: Văn - Địa - Anh X25: Toán - Anh - GDKTPL X26: Toán - Anh - Tin X78: Văn - GDKTPL - Anh
46	7810201	Quản trị khách sạn	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh C00: Văn - Sử - Địa C03: Văn - Toán - Sử D01: Toán - Văn - Anh D14: Văn - Sử - Anh D15: Văn - Địa - Anh X25: Toán - Anh - GDKTPL Y07: Văn - GDKTPL - Tin
47	7810202	QT nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
48	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
49	7420201	Công nghệ sinh học	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A02: Toán - Vật lý - Sinh học B00: Toán - Hóa học - Sinh học B03: Toán - Sinh học - Văn D08: Toán - Sinh học - Tiếng Anh

** Riêng đối với ngành Kiến trúc có tổ hợp xét tuyển bao gồm môn Năng khiếu Vẽ, thí sinh có thể lấy kết quả thi Vẽ từ trường đại học khác để kết hợp xét tuyển.*

5. Các ngành đào tạo bằng tiếng Anh

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo
1	7720101	Y khoa
2	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô
3	7480201	Công nghệ thông tin
4	7720301	Điều dưỡng
5	7720201	Dược học
6	7580201	Kỹ thuật xây dựng
7	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
8	7340115	Marketing
9	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
10	7810201	Quản trị khách sạn
11	7340101	Quản trị kinh doanh
12	7720501	Răng - Hàm - Mặt
13	7340201	Tài chính - Ngân hàng
14	7320104	Truyền thông đa phương tiện

TT	Mã ngành	Ngành đào tạo
15	7340101	Quản trị kinh doanh (Chương trình liên kết giữa Trường ĐH Nam Cần Thơ và Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Malaysia)

6. Chương trình Đại học 2 giai đoạn (liên kết với Trường Cao đẳng Miền Nam)

Đây là chương trình liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Nam Cần Thơ (DNC) và Trường Cao đẳng Miền Nam (CMN), mang đến lộ trình học tập linh hoạt giúp sinh viên sớm sở hữu bằng cấp chính quy và mở rộng cơ hội nghề nghiệp.

- **Điều kiện xét tuyển:** thí sinh đã tốt nghiệp THPT
- **Thời gian đào tạo:** từ 2,5 – 3 năm tùy ngành

TT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6510202
2	Công nghệ thông tin	6480201
3	Tin học ứng dụng	6480205
4	Tài chính ngân hàng	6340202
5	Kế toán	6340301
6	Quản trị kinh doanh	6340404
7	Quan hệ công chúng	6320108
8	Quản trị DV du lịch & lữ hành	6810101
9	Quản trị khách sạn	6810201

TT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
10	Quản trị Nhà hàng & DV ăn uống	6810205
11	Quản lý đất đai	6850102
12	Công nghệ KT CT xây dựng	6510104
13	Thiết kế nội thất	6210403
14	Công nghệ KT Kiến trúc	6510101
15	Quản lý nhà đất	6340426
16	Dịch vụ pháp lý	6380201
17	Điều dưỡng	6720301
18	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6720602
19	Thiết kế nội thất	6210403

7. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- **Điểm cộng:** Sử dụng điểm cộng theo quy định của quy chế tuyển sinh đối với khu vực ưu tiên và đối tượng ưu tiên

8. Thời gian xét tuyển (dự kiến)

Đợt xét tuyển	Thời gian nhận hồ sơ	Phương thức xét tuyển
Đợt 1	10/3/2026 - 20/6/2026	Kết quả học tập cấp THPT; Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực V-SAT

Đợt xét tuyển	Thời gian nhận hồ sơ	Phương thức xét tuyển
Các đợt sau	Thông báo chi tiết tại website của trường: www.nctu.edu.vn	

9. Chính sách ưu tiên

Thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

10. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

30.000 VNĐ/ hồ sơ (xét tuyển theo học bạ), đối với thí sinh xét theo điểm thi THPT quốc gia sẽ tính theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT quy định.

11. Hồ sơ xét tuyển và hồ sơ nhập học

Giấy Chứng nhận kết quả thi (bản chính) (đối với thí sinh tốt nghiệp các năm trước nộp bản sao có công chứng Bằng tốt nghiệp THPT)

Hồ sơ xét tuyển	Hồ sơ nhập học
Phiếu đăng ký xét tuyển	Giấy báo trúng tuyển
Căn cước công dân (bản sao)	Căn cước công dân (bản sao)
Học bạ THPT (bản sao công chứng)	Học bạ THPT (bản sao công chứng)
(đối với thí sinh tốt nghiệp các năm trước nộp bản sao có công chứng Bằng tốt nghiệp THPT)	Giấy Chứng nhận kết quả thi (bản sao công chứng)
	Giấy khai sinh (bản sao), 1 ảnh 3x4 hoặc 4x6
	Lý lịch sinh viên
	1 ảnh 3x4